Giá dầu mỏ quốc tế giai đoạn 2004-2014: sự bắt đầu và kết thúc của một chu kỳ dao động trong dài hạn

BÙI XUÂN HỒI

Bài viết phân tích cơ chế hoạt động của thị trường dầu mỏ quốc tế nhằm lý giải sự vận động của giá dầu mỏ quốc tế trong dài hạn; quan sát sự vận động của giá dầu trong hơn 40 năm qua (1973-2014) để có thể đưa ra các bàn luận về chu kỳ giá trong dài hạn.

Từ khóa: *dầu mỏ, kinh tế dầu mỏ, chu kỳ kinh tế, khủng hoảng dầu mỏ, thị trường hàng hóa.*

Năm 1973, khủng hoảng dầu lửa lần thứ nhất, giá dầu tăng gấp 3 lần mức giá năm trước. Năm 1979, khủng hoảng dầu lửa lần 2, giá dầu tiếp tục đẩy lên gần gấp 3 lần. Năm 1986, khủng hoảng thừa, chiến tranh giá đẩy giá dầu xuống thấp và trở về mức của năm 1973. Suốt những năm 1987 đến 2002, giá dầu dao động ở mức thấp, vào thời điểm đó những người lạc quan nhất cũng chỉ đưa ra dự đoán giá dầu ở đầu thế kỷ XXI sẽ dao động trong khoảng từ 18-25 USD/thùng. Thực tế, giá dầu trên thị trường quốc tế tăng trở lại từ năm 2004 (từ 26 USD lên 34 USD/thùng) và liên tục sau đó người ta chỉ nói về sự tăng giá của dầu mỏ. Năm 2012, mức giá trung bình tại Dubai là 109 USD/thùng. Thế giới của năm 2014 với những biến động về chính trị tại các khu vực nhạy cảm của dầu mỏ (như Irắc, Iran, Nga, Ucraina...), người ta đón chờ sự bùng nổ của các giao dịch trên thị trường phái sinh đẩy giá dầu lên cao hơn nữa. Trái ngược với các dự đoán đó, giá dầu năm 2014 đã giảm. Phải chăng một chu kỳ giá sắp kết thúc (tăng giá) và chu kỳ giá mới (giá thấp) đã bắt đầu?

1. Thị trường dầu mỏ quốc tế: những cuộc khủng hoảng

Một sản phẩm năng lượng đặc thù, một sản phẩm có giao dịch thương mại quốc tế rất lớn, phân bổ tài nguyên dầu mỏ không đều, khu vực sản xuất và khu vực tiêu dùng khác xa nhau về chính trị, văn hóa, địa lý..., có lẽ từng đó lý do cũng đủ để giải thích hoạt động của thị trường dầu mỏ quốc tế gắn liền với các cuộc khủng hoảng (thiếu và thừa) và luôn thu hút sự quan tâm đặc biệt của các nhà làm chính sách, các quốc gia.

Năm 1973, OPEC kiểm soát thị trường và tổ chức này gây ra cuộc khủng hoảng dầu lửa đầu tiên khi đẩy giá tăng cao gấp 3 lần. Năm 1979, trước nguy cơ cạn kiệt tài nguyên dầu mỏ, OPEC tiến hành tăng giá sốc (gần gấp 3 lần) tạo ra cuộc khủng hoảng lần thứ 2. Thực tế sau đó, bản thân OPEC đã rất cố gắng với chính sách quotas thắt chặn nhằm cứu vãn thị trường nhưng cũng không ngăn được cuộc chiến tranh về giá và khủng hoảng thừa năm 1986-1987.

Người ta tiếp tục nói về khủng hoảng dầu mỏ của những năm đầu thế kỷ XXI khi có những thời điểm giá dầu đạt mức kỷ lục 147 USD/thùng (năm 2008). Lại là những dự báo rằng giá dầu sẽ còn tăng cao thậm chí là 200 USD/thùng vì tình trạng cạn kiệt tài nguyên, vì lượng cầu tăng cao do "yếu tố Trung Quốc", rằng những số liệu thống kê sai, lỗi thời làm cho người ta luôn nghĩ về sự dồi dào của tài nguyên dầu mỏ sau năm 1986. Giá tăng và tăng đến bao giờ, tài nguyên dầu mỏ đã cạn kiệt thực sự? Một thực tế là giá đã tăng liên tục từ năm 2004 đến năm 2013 (đạt mức 109 UDS/thùng), nhưng bước sang năm 2014, giá

Bùi Xuân Hồi, PGS.TS., Trường đại học Bách khoa Hà Nội.

dầu đã giảm (và cũng lại giảm kỷ lục trong 5 năm qua, xuống còn 55 USD/thùng vào tháng 12-2014).

Quan sát cả chiều dài vận động của thị trường dầu mỏ hơn 40 năm qua từ khủng hoảng 1973, sự biến động mang tính chu kỳ của giá dầu trong dài hạn là khá rõ nét. Hơn bao giờ hết, sự biến động đó được lý giải bằng áp lực cung cầu trong dài hạn – lý thuyết kinh tế rất cơ bản nhưng lại rất hiệu quả cho phép giải thích sự vận động mang tính chu kỳ này, cũng như đưa ra những dự báo về sự biến động cho giai đoạn tiếp theo sau thời kỳ chạm đỉnh của giá dầu.

2. Áp lực cung cầu trong dài hạn - cơ sở là chi phí sản xuất

Nếu như trong ngắn hạn, đặc trưng ít co giãn của lượng cung, lượng cầu, cơ chế thương mại quốc tế, ảnh hưởng của thị trường "dầu giấy"[1]- nói cách khác là các công cụ tài chính phái sinh quyết định dao động của giá dầu trong ngắn hạn. Trong trung hạn các yếu tố cấu trúc quyết định hành vi của giá cả thì trong dài hạn, áp lực cung cầu trong dài hạn mà ở đó vai trò trọng tâm của chi phí sản xuất quyết định chu kỳ giá trong dài hạn đối với dầu mỏ[2].

Nguyên tắc kinh tế thị trường có vẻ rất đơn giản nhưng lại rất hiệu quả trong việc giải thích các biến động của giá dầu trong dài hạn. Thật vậy, chi phí sản xuất là cơ sở quan trọng nhất quyết định giá dầu trong dài hạn, ở đó cấu trúc thị trường dù là độc quyền của 7 công ty đa quốc gia "the Majors" giai đoạn 1920-1960 hay của tập quyền OPEC những năm 1970 cũng không thể nào duy trì giá dầu khác xa so với chi phí sản xuất. OPEC hay Majors sẽ nhận được những hiệu ứng từ việc áp đặt mức giá khác xa so với chi phí như sau:

• Nếu mức giá được đặt cao, cao hơn nhiều so với chi phí sản xuất, khi đó các hiệu ứng cả từ phía cung và phía cầu xảy ra:

Về phía cầu, giá tăng cao và kéo dài đủ để hiệu ứng thay thế và hiệu ứng thu nhập xảy ra (điều này không xảy ra trong ngắn hạn với sản phẩm năng lượng nói chung và sản phẩm dầu mỏ nói riêng), cả hai hiệu ứng này đều dẫn đến lượng cầu về dầu mỏ sẽ giảm xuống.

Về phía lượng cung, giá tăng cao và kéo dài cũng dẫn tới các hiệu ứng làm cho lượng cung tăng lên. Trước hết là hiệu ứng đầu tư, giá cao sẽ hấp dẫn đầu tư trong thăm dò khai thác và sản xuất dầu mỏ, trong nghiên cứu và phát triển để đưa ra các tiến bộ khoa học trong thăm dò khai thác và sản xuất dầu mỏ. Cùng với đó là hiệu ứng chi phí, khi giá thấp các mỏ dầu có chi phí cao sẽ không được khai thác, nhưng khi giá tăng cao và kéo dài, những mỏ dầu này từ không kinh tế sẽ trở thành khai thác kinh tế. Điều đó làm cho lượng cung tăng lên.

Như vậy, khi giá tăng cao và kéo dài (trong dài hạn) đủ tạo ra các hiệu ứng làm lượng cung tăng lên trong khi lượng cầu giảm xuống và kết quả của áp lực cung cầu trong dài hạn sẽ đẩy giá dầu xuống thấp. Chu kỳ tăng giá kéo dài sẽ được nối tiếp bằng chu kỳ giá giảm.

• Trường hợp ngược lại, nếu giá dầu bị đẩy xuống quá thấp và cực đoan là thấp hơn chi phí sản xuất đồng thời tình trạng này kéo dài lần lượt các hiệu ứng sau sẽ xảy ra:

- Về phía lượng cầu vẫn là hiệu ứng thay thế và hiệu ứng thu nhập, nhưng giá thấp sẽ làm cho lượng cầu tăng lên (tương tự, các hiệu ứng này chỉ quan sát được trong dài hạn, tức là với dầu mỏ, cần có thời gian đủ dài để người tiêu dùng điều chỉnh hành vi khi giá cả thay đổi).

1. Thị trường tài chính về dầu mỏ là dạng thị trường mà các hợp đồng mua và bán "thùng dầu" trong tương lai được trao đổi với một mức giá lập tức được ấn định. Nhưng khác với thị trường giao hàng chậm, thị trường các hợp đồng tài chính này không thực hiện trên các giao dịch vật chất. Phần lớn những người tham gia chỉ sử dụng nó như một công cụ tài chính trung gian bên cạnh những giao dịch thực trên thị trường vật chất.

2. "Dài hạn" thường được hiểu là khoảng thời gian đủ dài để mà công nghệ trong sản xuất, công nghệ tiêu dùng có thể thay đổi, vùng sản xuất hay khu vực tiêu dùng có thể bị dịch chuyển.

Về phía lượng cung, giá xuống thấp và kéo dài lần lượt các hiệu ứng đầu tư và hiệu ứng chi phí sẽ xảy ra. Giá thấp chắc chắn không hấp dẫn đầu tư nên không có sự gia tăng nguồn cung mới. Giá thấp và kéo dài, những mỏ dầu có chi phí sản xuất cao chắc chắn sẽ ngừng sản xuất.

- Tổng hợp lại các hiệu ứng khi giá xuống thấp và kéo dài làm lượng cung giảm xuống trong khi lượng cầu tăng lên và kết quả của áp lực cung cầu trong dài hạn sẽ đẩy giá dầu lên cao. Như vậy, chu kỳ giá thấp kéo dài sẽ được nối tiếp bằng chu kỳ giá tăng cao.

Với cơ chế như vậy trong dài hạn, giá dầu sẽ dao động xung quanh trục chi phí sản xuất, vì dù quyền lực thị trường (OPEC) có áp đặt giá cao điều đó cũng không thể xảy ra trong dài hạn, các hiệu ứng như phân tích ở trên sẽ đẩy giá dầu xuống thấp và ngược lại. Và như vậy, các yếu tố quyết định chi phí sản xuất trong dài hạn cũng đồng thời quyết định mức giá trong dài hạn. Một trong những yếu tố quyết định đó là những tiến bộ của khoa học công nghệ trong khai thác và sản xuất dầu mỏ. Yếu tố này đẩy lùi ranh giới cạn kiệt mà thế giới lo lắng từ năm 1973, yếu tố này kéo giá dầu trong dài hạn xuống thấp khi nó bị đẩy lên cao và kéo dài từ sức mạnh của thị trường.

3. Những chu kỳ giá dầu quốc tế: quá khứ và hiện tại

Hình 1 mô tả các chu kỳ giá cho giai đoạn từ năm 1973 đến năm 1986. Từ năm 1973, OPEC chính thức nắm quyền điều hành thị trường. Hệ thống giá của OPEC là hệ thống giá quốc tế áp dụng cho giai đoạn quyền lực thị trường được kiểm soát bởi tổ chức này.

HÌNH 1: **Dao động giá dầu giai đoạn 1973-1986**

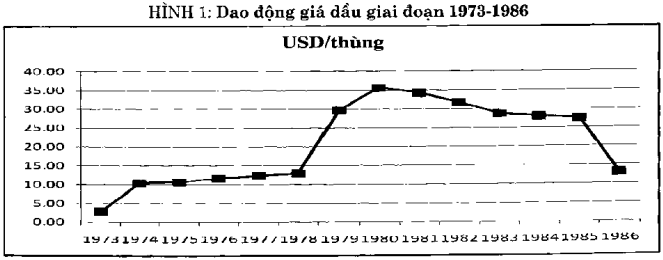

Nguồn: BP Statistical Review of World Energy 2014 - Workbook (giá tại Dubai, giá danh nghĩa và trung bình năm).

Quá trình chuyển giao quyền lực từ Majors sang OPEC được bắt đầu bằng việc hủy bỏ hoàn toàn hệ thống nhượng quyền khai thác đã ký kết trước đây giữa các quốc gia sở hữu và các Majors. Thay vào đó các quốc gia OPEC đã thực hiện việc khai thác và liên kết lại để điều tiết thị trường dầu mỏ quốc tế. Thời kỳ đầu của quá trình liên kết, trước các dự báo về nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên dầu do việc kinh tế công nghiệp ở giai đoạn phát triển mạnh và hệ lụy của việc giá dầu thấp giai đoạn trước đó đã làm lượng cầu về dầu mỏ tăng mạnh, OPEC đã gây ra cuộc khủng hoảng dầu lửa đầu tiên khi chỉ trong 2 năm 1973-1974 giá dầu mỏ giao tại Dubai tăng từ 2,83 USD/thùng năm 1973 tăng lên 11,41 USD/thùng năm 1974.

Chu kỳ giá tăng thể hiện quyền lực độc quyền của OPEC khi các quốc gia sản xuất liên kết để tăng giá dầu với lý giải việc tăng giá là cần thiết và đó là phần chi phí người sử dụng - hay tô tài nguyên không tái sinh. Như vậy với đặc trưng ít co giãn của lượng cầu theo giá trong ngắn hạn, OPEC đã thu

được khoản lợi ích rất lớn từ việc tăng giá dầu. Và khi giá dầu lên cao như vậy vẫn chưa đủ để làm cho lượng cầu giảm xuống ngay, OPEC tiếp tục tăng giá đột biến lần thứ 2 (giá dầu tăng từ 13,03 USD/thùng năm 1978 lên tới 35,03 USD/thùng năm 1979). Chu kỳ từ năm 1973 đến năm 1980 thể hiện quyền lực của tập quyền OPEC trong việc cung ứng và điều tiết giá dầu.

Tuy vậy, đặc trưng ít co giãn hay quyền lực thị trường của OPEC trong cung ứng ảnh hưởng tới giá cả cũng chỉ có thể quan sát trong trung hạn. Cơ chế điều chỉnh giá trong dài hạn có hiệu lực khi giá tăng cao và kéo dài tới 7 năm (1973-1980). Thật vậy, việc giá dầu thô tăng cao trong khoảng thời gian đủ dài đã cho phép các giếng dầu khắp thế giới có thể khai thác hiệu quả về mặt kinh tế. Những tiến bộ về khoa học kỹ thuật cũng từ hiệu ứng giá tăng cao liên tục được ứng dụng trong thăm dò, khai thác dầu thô. Kết quả những tiến bộ về công nghệ còn tiếp tục phát huy những năm sau đó, cho phép tăng lượng cung và giảm chi phí khai thác (bảng 1).

BẢNG 1: Các chỉ tiêu kinh tế về khai thác sản xuất dầu mỏ so sánh năm 1984 và năm 1992 với vai trò của tiến bộ khoa học công nghệ

Các chỉ tiêu liên quan đến khai thác sản xuất dầu mỏ	Phát triển khai thác mỏ ở biển Bắc - 130 m độ sâu mặt nước, trữ lượng khoảng 200 Mbls	
	1992/1984	Ứng dụng các tiến bộ chính
Chi phí đầu tư	Giảm 25 %	Khoan sâu tự điều chỉnh lên xuống với các ống dẫn lưu ngang hoặc nhiều ống dẫn lưu
Chi phí vận hành	Giảm 10 %	Khoan với thiết bị phụ trợ
Tổng phí	Giảm 20 %	Plate-forme được lắp đặt bằng thiết bị cẩu
Thời gian đưa vào khai thác	Tiết kiệm 6 tháng	Hệ thống tích hợp hiện đại
Tỷ lệ thu hồi dầu	Tăng 5 và 10 %	Khoan giải phóng để lắp đặt khuôn và miệng giếng dưới biển

Nguồn: Trích dẫn từ J-L. Karnik và J. Masseron (1995).

Những hiệu ứng này đã làm cho lượng cung tăng lên đồng thời tạo ra sự thay đổi đáng kể trong cấu trúc thị trường dầu mỏ về phía lượng cung. Theo đó, lượng cung dầu mỏ ngoài OPEC tăng lên một cách đáng kể và nhanh chóng tạo thành một đối trọng của OPEC trong việc điều tiết thị trường dầu mỏ quốc tế. Trong thực tế, lượng cung về dầu mỏ ngoài OPEC, ngoài Liên Xô cũ tăng tới 25% trong giai đoạn từ 1979-1985 đặc biệt là nhờ vào chính sách mở cửa trong khai thác ở vùng biển Bắc và ở Mêxicô. Thị phần mà OPEC kiểm soát là 53% năm 1973 đã nhanh chóng giảm xuống còn 28% năm 1985 (bảng 2).

BẢNG 2: Những thay đổi trong cấu trúc lượng cung dầu mỏ thế giới giai đoạn 1973-1986 (%)

Vùng, nhóm sản xuất/năm (%)	1973	1976	1979	1982	1985
Khối các nước OPEC	53	51	47	33	28
Hợp chủng quốc Hoa Kỳ	19	16	16	18	19
Các nước khối Liên Xô cũ	18	21	23	29	28
Các nước khác	10	11	15	21	25
Trong đó: Anh+Na Uy	0	1	3	5	6
Mêxicô	1	2	3	5	5
Tổng cộng	100	100	100	100	100

Nguồn: Petroleum Economist, 1986.

Tương tự, hiệu ứng thay thế và hiệu ứng tiết kiệm làm cho lượng cầu về dầu mỏ trong giai đoạn này giảm xuống rõ rệt sau thời gian tăng giá kéo dài (hình 2). Sơ đồ này thể hiện rất rõ đặc trưng khác biệt của sản phẩm dầu mỏ. Trong ngắn hạn, lượng cầu và cung rất ít co dãn so với sự thay đổi về giá, nên mặc cho giá dầu tăng, lượng cầu vẫn tăng cho tới những năm 1978 và nó chỉ có thể phản ứng trước sự thay đổi về giá cả khi có đủ thời gian. Suốt thời gian sau đó, lượng cầu liên tục giảm (8% đối với tiêu dùng dầu mỏ toàn thế giới và thậm chí là 15% trong khu vực kinh tế OECD).

HÌNH 2: **Biến động về sản lượng dầu tiêu dùng của thế giới giai đoạn 1973 -1985**

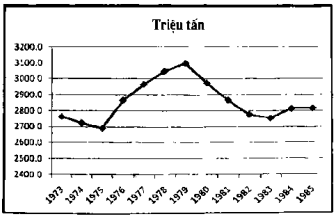

Nguồn: BP Statistical Review of World Energy 2014 - Workbook.

Sự điều chỉnh của lượng cầu vào thời gian này là kết quả của việc thay thế dầu mỏ bằng các dạng năng lượng khác trong nhiều hoạt động kinh tế cũng như hiệu ứng tiết kiệm từ việc tăng giá dầu và kéo dài trong thời gian trước đó. Ở Mỹ, Châu Âu hay Nhật Bản, hầu hết các nhà máy điện mới được xây dựng sau năm 1979 đều là điện than hoặc điện hạt nhân, thậm chí ở Mỹ còn áp dụng đạo luật "The Powerplant and Industrial Fuel Use Act" (PIFUA) với nội dung chính là hạn chế các nhà máy điện sử dụng dầu hoặc khí tự nhiên. Về hiệu ứng tiết kiệm, điển hình nhất là ngành sản xuất ô tô. Năm 1984, chiếc xe con Twingo của hãng Renault đã ra đời với mức tiêu thụ 3,2 lít xăng/100km, giảm đến 50% so với các loại xe cũ. Các chính sách sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nhiên liệu cùng từ đó được thực thi ở hầu hết các nước trên thế giới.

Những điều chỉnh trong dài hạn này đến từ cả hai phía cung và cầu đủ để làm cho giá cả trên thị trường giảm xuống, mà cực đoan là cuộc khủng hoảng thừa vào những năm 1986-1987, khi OPEC từ bỏ mọi chính sách áp đặt quota, thị trường dầu vận hành như một thị trường cạnh tranh. Một chu kỳ giá cao (1973-1985) đã chính thức chấm dứt và một chu kỳ giá mới - chu kỳ của lượng cung tăng và lượng cầu giảm – chu kỳ giá thấp của những năm tiếp theo.

HÌNH 3: **Dao động giá dầu giai đoạn 1986 - 2002 – chu kỳ giá thấp**

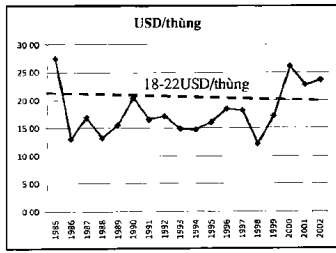

Nguồn: BP Statistical Review of World Energy 2014 - Workbook (giá tại Dubai, giá danh nghĩa và trung bình năm).

Thực tế từ năm 1986 đến năm 2002, bỏ qua những dao động tức thời, giá dầu thế giới trung bình giai đoạn 1986 - 2002 chỉ giao động dưới 20 USD/thùng (hình 3). Như vậy, chu kỳ giá thấp thậm chí kéo dài tới hơn 10 năm, để có kết luận rằng khoảng thời gian được gọi là dài hạn để lượng cung lượng cầu có thể phản ứng trước sự thay đổi của giá cả phải từ 7 đến 10 năm.

Chúng ta tiếp tục kiểm định xu thế dao động giá dầu trong dài hạn mang tính chu kỳ bằng các quan sát thực tế ở giai đoạn tiếp theo. OPEC sau cuộc khủng hoảng thừa đã cố gắng kiểm soát thị trường bằng các chiến lược "sản lượng phù hợp" và chu kỳ tăng giá kế

tiếp hoàn toàn không phải từ chính sách tăng giá của OPEC. Đó là kết quả của sự phản ứng của lượng cung, lượng cầu trong dài hạn. Giá dầu quốc tế từ năm 2004 đã tăng một cách "bất ngờ" và tăng liên tục trong các năm sau đó. Các nhà nghiên cứu, các nhà làm chính sách đã cố gắng tìm cách lý giải sự tăng giá này. Có nhiều lý lẽ được đưa ra: OPEC cắt giảm sản lượng, cuộc chơi giá dầu của Mỹ và Arập Xê Út, tăng trưởng lượng cầu từ Trung Quốc, hay sự yếu kém của các dự liệu thống kê...

Rõ ràng những lý giải mang tính thời điểm hay thời đoạn: yếu tố chính trị, thời tiết, khí hậu, hiện tượng đầu cơ..., hay ảnh hưởng từ yếu tố cấu trúc (quyền lực thị trường) là không đủ để giải thích xu hướng biến động giá của dầu mỏ. Đã có những căng thẳng chính trị địa dư khi các nước nhập khẩu dầu mỏ (OECD và Trung Quốc) phàn nàn rằng sự tăng giá là do OPEC hạn chế nguồn cung. Nhưng OPEC cũng thẳng thắn đáp lại rằng, hãy chỉ ra đơn hàng nào OPEC từ chối cung ứng để nói rằng tăng giá là do OPEC cắt giảm sản lượng. Hay những lý giải ở thời điểm năm 2008 khi giá dầu trạm mốc 147 USD/thùng là do hiện tượng đầu cơ trên thị trường tài chính "paper oil". Nhưng liệu những căng thẳng trong thời gian vừa qua, các thùng dầu giấy có đẩy được giá dầu vật lý tăng cao như thời điểm năm 2008?

Thực chất sự tăng giá là kết quả của áp lực cung cầu sau một thời gian dài trước đó giá dầu luôn dao động ở mức rất thấp. Hãy quan sát chu kỳ giá cao từ năm 2004-2012 và sự vận động của lượng cung, lượng cầu là hệ lụy của chu kỳ giá thấp trước đó để nhìn nhận sự phù hợp (hình 4). Nếu nhìn vào chu kỳ tăng giá trước đó (1973-1980) tức là 7 năm liên tục, sau đó giảm dần và giá dầu xuống ở mức chiến tranh giá năm 1986 bằng mức giá 13 năm về trước (năm 1973) sẽ thấy chu kỳ tăng giá gần đây (2004-2012), tức là 8 năm, sau đó bắt đầu giảm từ đỉnh 109 USD/thùng năm 2012 xuống 105 USD/thùng năm 2013 và một năm sau đó giá dầu đã xuống mức thấp nhất trong 5 năm qua ở mức 55 USD/thùng là rất lôgic về sự vận động của giá dầu quốc tế trong dài hạn.

HÌNH 4: **Dao động giá dầu giai đoạn 2004 - 2012 - chu kỳ giá cao kéo dài 8 năm**

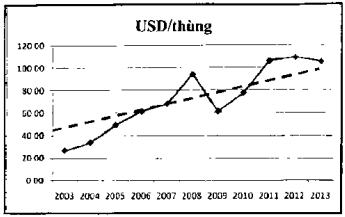

Nguồn: BP Statistical Review of World Energy 2014 - Workbook (giá tại Dubai, giá danh nghĩa và trung bình năm).

Sau chu kỳ giá cao kéo dài sẽ là chu kỳ giá thấp kéo dài rồi tiếp theo là sự tăng giá trở lại. Sự lặp đi lặp lại mang tính chu kỳ, quan sát trên thị trường dầu mỏ quốc tế với chiều dài thời gian khoảng 7-10 năm cho mỗi chu kỳ giá đã được kiểm định bằng các quan sát thực tế cho cả giai đoạn nghiên cứu từ năm 1973 đến nay là trên 40 năm. Nhận định này cần tiếp tục kiểm định, những gì diễn ra hiện nay, hiệu ứng tăng giá dầu từ năm 2004 dường như đã đủ để lượng cung và lượng cầu về dầu mỏ phản ứng và chu kỳ giá thấp dường như đã bắt đầu.

4. Viễn cảnh về chu kỳ giá thấp trên thị trường dầu mỏ quốc tế

Nếu quan sát các giai đoạn khác nhau đều thấy một đặc điểm chung của biến động giá dầu trong dài hạn là sau khi đạt đỉnh, giá dầu giảm nhẹ ở năm tiếp theo và giảm nhanh ở những năm sau đó[3]. Về thời gian để giá dầu đạt đỉnh cũng khá đồng nhất 1973-1980 và 2004-2012, tức là khoảng 7-8 năm. Như vậy,

3. Giai đoạn 1973-1986, giá dầu trung bình năm đạt đỉnh ở mức 35,7 USD/thùng năm 1980, giảm nhẹ ở năm 1981 xuống còn 34,3 USD/thùng trước khi giảm liên tục và xuống đáy ở năm 1986 với mức 13,1 USD/thùng. Giai đoạn 2004-2014, giá dầu đạt đỉnh ở mức 109,1 USD/thùng năm 2012 và có dấu hiệu giảm nhẹ vào năm 2013 xuống còn 105,5 USD/thùng.

nếu theo lôgic này thì giá dầu sẽ giảm ở giai đoạn tiếp theo sau năm 2013. Thực tế mức giá năm 2014 đã chứng minh điều này, thậm chí mức giảm còn nhanh và sâu hơn so với những gì quan sát ở chu kỳ tăng giá 1973-1980. Cũng không bất ngờ khi các năm tiếp theo giá dầu sẽ tiếp tục giảm và chu kỳ giá giảm đã thực sự bắt đầu. Mức giá đang được xem là đáy của 5 năm qua (55 USD/thùng vào tháng 12-2014) liệu đã là đáy cuối cùng hay giá dầu sẽ tiếp tục phá đáy để về tới mức giá của của nó ở năm 2004 (33,6 USD /thùng) như chúng ta đã quan sát ở giai đoạn 1973-1986.

Hình 5 dưới đây mô tả biến động giá dầu bình quân tháng của năm 2014. Nếu tính bình quân của cả năm thì mức giá của năm 2014 vào khoảng 94 USD/thùng giảm 15 USD/ thùng so với đỉnh năm 2012. Điều đáng nói ở chỗ xu hướng vận động của giá từ tháng 8-2014 là sự sụt giảm liên tục và rất rõ nét chứ không lúc tăng, lúc giảm như giai đoạn trước đó. Đó là dấu hiệu của chu kỳ giá thấp. Ngay chính những người "làm giá" cũng thừa nhận điều này và không phải họ không có căn cứ.

Hình 5: **Biến động giá dầu quốc tế năm 2014**

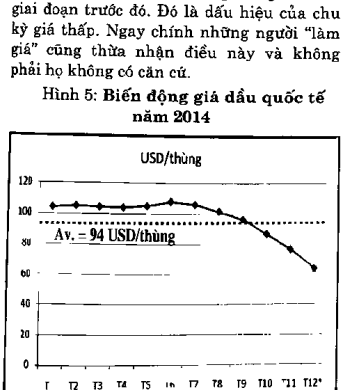

Nguồn: OPEC Monthly oil Market Report 2014.
giá bình quân tháng giao tại Dubai.

Bộ trưởng Bộ Năng lượng Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất Suhai al-Mazroueil– người được xem như phát ngôn viên của OPEC - đã nhấn mạnh "giá dầu đã xuống ở mức 60 USD và có thể xuống tới 40 USD/thùng" và OPEC dường như cũng đã sẵn sàng cho kịch bản này[4]. Nếu giá dầu giảm về mức 40 USD/thùng thì rõ ràng mức giá này cũng không cách xa là mấy so với mức giá bắt đầu chu kỳ tăng giá (33,6 USD/thùng vào năm 2004). Kịch bản của giai đoạn 1973-1986 lại được lặp lại cho giai đoạn hiện nay. Thực tế có nhiều cơ sở để vị Bộ trưởng quyền lực của Ả Rập đưa ra phát biểu như vậy. Những năm giá dầu tăng cao và kéo dài triển miên đã lại một lần nữa làm cho các hiệu ứng từ cả hai phía cung và cầu có hiệu lực. Ở Việt Nam có chương trình sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng được đẩy mạnh từ nhiều năm nay. Ở Mỹ những người thiết kế xe Ford quay trở lại với các thiết kế tiết kiệm xăng tối đa và không ngạc nhiên khi IEA (International Energy Agency) và đặc biệt là Trung tâm thông tin năng lượng (EIA) của Bộ Năng lượng Mỹ đều đưa ra những dự báo ảm đạm về lượng cầu của dầu mỏ cho giai đoạn sắp tới.

Về phía lượng cung, khi giá tăng cao kéo dài cũng đã thúc đẩy đầu tư nhiều hơn trong thăm dò, khai thác và đặc biệt là những tiến bộ về khoa học công nghệ trong ngành công nghiệp này. Ở Mỹ, không còn lạ lẫm với kỹ thuật mới về đào dầu tân tiến thông qua việc dùng vệ tinh satellite để điều khiển mũi khoan[5] và đặc biệt hơn là sản xuất dầu từ đá gọi là "shale oil" với kỹ thuật fracking nổi

4. Tham khảo tại: http://www.telegraph.co.uk, "*Opec willing to push oil price to $40 says Gulf oil minister*", by Andrew Critchlow, Commodities editor, 14-12-2014.

5. Kỹ thuật mới về đào dầu ở Mỹ là phương cách dùng vệ tinh satellite để điều khiển mũi khoan đào sâu nhiều dặm dưới lòng đất rồi tùy theo vị trí có thể quay ngang (horizontal drilling), tiến tới mục tiêu chính xác một cách tối đa. Với kỹ thuật này việc đào hụt (dry holes) thường gặp với công nghệ cũ, rất tốn kém và mất nhiều thời gian để đào trúng mỏ dầu, sẽ không xảy ra nữa.

tiếng[6]. Năm 2013, sản lượng của Mỹ là 7,5 triệu thùng/ngày và ước tính đến quý 4 - 2014 là 8,4 triệu thùng. Trong bối cảnh như vậy, IEA đã dự báo rằng đến năm 2020, Mỹ thậm chí sẽ qua mặt Ả Rập Saudi để sản xuất ở mức 11,6 triệu thùng/ngày. Rõ ràng sự mở rộng khai thác với công nghệ mới sẽ là một viễn cảnh lượng cung tăng trong tương lai chưa kể đến việc Nga sẽ phải bơm dầu nhiều hơn khi giá dầu xuống thấp nhằm đảm bảo cân bằng ngân sách khi câu chuyện chính trị địa dư của toàn cầu vẫn hết sức phức tạp. Lại một lần nữa áp lực cung cấu trong dài hạn sẽ đẩy giá dầu xuống thấp. Đó là viễn cảnh rất rõ nét về chu kỳ giá dầu thấp cho nửa sau của thập niên này.

5. Luận bàn về tính chu kỳ của dao động giá dầu trong dài hạn

Có thể thấy rằng, dầu mỏ - yếu tố đầu vào quan trọng của mọi nền kinh tế, một sản phẩm quan trọng của thương mại quốc tế, một vũ khí dầu hỏa trên bàn cờ chính trị địa dư, vì thế biến động của giá dầu luôn thu hút sự quan tâm đặc biệt của các nhà làm chính sách, các nhà khoa học trên toàn thế giới.

Người ta luôn tìm cách giải thích các biến động trong ngắn hạn với các nguyên nhân mang tính tức thời từ phía lượng cung hay lượng cầu có đặc trưng rất ít co giãn so với sự thay đổi của giá cả hay ảnh hưởng của hiện tượng đầu cơ; chiến lược của OPEC về tăng giảm sản lượng đối với sự vận động trong trung hạn vv. Nhưng trong dài hạn – khoảng thời gian đủ dài để lượng cung và lượng cầu có thể phản ứng trước sự thay đổi của giá dầu (tăng cao hoặc giảm mạnh kéo dài), sẽ làm cho tính chu kỳ trong dao động giá dầu trong dài hạn là khá rõ ràng. Sau chu kỳ tăng giá kéo dài sẽ là chu kỳ giảm giá kéo dài và quá trình này lặp đi lặp lại nhờ các hiệu ứng đầu tư, hiệu ứng chi phí bên phía lượng cung, hay hiệu ứng thay thế, hiệu ứng tiết kiệm bên phía lượng cầu.

Kiểm định kết luận này bằng các quan sát trên thị trường quốc tế từ 40 năm qua có thể đúc kết rằng: một chu kỳ giá (tăng giá hoặc giảm giá) thường kéo dài từ 7-10 năm trước khi đảo chiều, đó là khoảng thời gian đủ dài để lượng cung, lượng cầu về dầu mỏ có thể điều chỉnh và bắt đầu một chu kỳ giá mới trên thị trường dầu mỏ quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.ABDALLA K.L (1995), "The changing structure of the international oil industry", in *Energy Policy*, vol. 23, n°10, pp. 871-877.

2. ANGELIER J-P (1991), "The determinants of oil prices", in *Energy Studies Review*, n° 3, pp. 217-226.

3. ASKARI H., KRICHENE N. (2008), Oil price dynamics (2002-2006), *Energy Economics* 20, 2134-2153.

4. AYOUB A. (1994), "Oil, economics and politics", *Energy studies review*, n°6, pp.47-60.

5. BADDOUR J.W. (1998), "L'industrie pétrolière mondiale : Raréfaction, coût de production et changements structurels", *Colloque*: GAMMAP, Grenoble, novembre.

6. Bùi Xuân Hồi (2008), *Lý thuyết giá năng lượng*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội 2008.

7. HAIDAR I., WOLFF C.R., (2011), "Forecasting crude oil price", *in Proceeding of the 30th USAEE Conference*, Washington D.C. USA, 9-12 October.

8. KARNIK J-L, MASSERON J. (1995), "L'impact du progrès technique sur l'industrie du pétrole", *Cahier de Recherche de l'IFP*.

9. OPEC (2011), OPEC members repond to oil supply disruption-market report. *OPEC Bulletin 47*.

6. Kỹ thuật này được gọi là hydraulic fracturing, gọi tắt là fracking. Thực tế đây là công nghệ lấy dầu từ đá tại Mỹ. Ở lớp đáy của các mỏ đã bơm cạn từ đầu thế kỷ XX là những mỏ đá shale oil chứa dầu nằm lẫn trong đá với dung lượng thậm chí còn lớn hơn lượng dầu bơm lên trước kia mà công nghệ cũ không lấy ra được vì không chảy, không bơm được lên gọi là dầu chặt (tight oil). Với kỹ thuật satellite và đào ngang horizontal drilling (như mô tả ở chú thích số 5) đã cho phép tiến vào những mỏ đá dầu, sau đó bơm nước thẳng vào những vết nứt của mỏ đá dầu với áp xuất cực mạnh. Dầu và khí đốt nằm trong đá được hút ra sau khi được bơm nước vào giải tỏa và được bơm thẳng lên trên mặt đất.